TÒA ÁN ND HUYỆN TS
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/ HNGĐ- ST
Ngày: 03/4/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH THANH HÓA

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Mạnh Hùng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 2 năm 2024, về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXX – ST ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn V, sinh năm: 1988
Nơi cư trú: Xóm 1, xã C, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Anh Phạm B, sinh năm: 1993
Nơi ĐKNKTT: Xóm 1, xã C, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
Hiện đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại số 2, trại giam số 3, đóng tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn V trình bày:*

- Hôn nhân: Chị Nguyễn V và anh Phạm B và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/7/2018.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B nghiện ma túy ma túy Chị V đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B vẫn không có kết quả, từ đó dẫn

đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, sau đó anh B vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam số 3, đóng tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Nay Chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Phạm D, sinh ngày 08/5/2018.

Nay ly hôn do anh B đang phải chấp hành án trong trại giam nên nguyện vọng của Chị V là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai ngày 27/2/2024, bị đơn anh Phạm B trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh B và chị Nguyễn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C cấp năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nay Chị V làm đơn đề nghị ly hôn, anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Phạm D, sinh ngày 08/5/2018. Hiện nay anh B đang phải chấp hành án tại Đội 38, phân trại số 2, trại giam số 3, đóng tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, nên không có điều kiện để nuôi các con nên anh đồng ý để Chị V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Sau khi anh chấp hành án xong anh sẽ bàn bạc với Chị V về việc nuôi dưỡng các con sau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn V và anh Phạm B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 2 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Phạm D, sinh ngày 08/5/2018 cho Chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm B và chị Nguyễn V theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh B và Chị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn V và anh Phạm B và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/7/2018. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị V và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B nghiện ma túy, sau đó vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án phạt tù. không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị V và anh B đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của Chị V và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa Chị V và anh B là hoàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên căn cứ vào điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn V và anh Phạm B.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 2 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Phạm D, sinh ngày 08/5/2018.

Nay ly hôn chị anh B và Chị V đều thống nhất giao cả hai con chung cho Chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó công nhận sự thỏa thuận của Chị V và anh B về phần con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần cấp dưỡng

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn V và anh Phạm B.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị V và anh B: Giao 2 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Phạm D, sinh ngày 08/5/2018 cho chị Nguyễn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002789 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS TS;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan